

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2020
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Công Chiêu**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Nguyễn Thanh C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Thanh C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim D sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh T vào ngày 16/11/2010. Thời gian đầu anh và chị D sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị D có tình cảm với người đàn ông khác, anh có đánh chị D nên từ đó giữa anh và chị D phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được, anh và chị D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh nhận thấy

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: có 02 con chung gồm:

Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 04/7/2014.

Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 27/9/2011.

Anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim M, không yêu cầu chị D cấp dưỡng, do cháu Nguyễn Thị Kiều O đang sống chung với chị D nên anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Kiều O cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi cháu O.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh C với chị Nguyễn Thị Kim D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 27/9/2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 04/7/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D. Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ kết quả xác minh trên thực tế anh Nguyễn Thanh C và chị Nguyễn Thị Kim D sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh T vào ngày 16/11/2010. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D có tình cảm với người đàn ông khác nên anh C và chị D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm không thể hàn gắn lại được. Nay anh C yêu cầu ly hôn với chị D là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 27/9/2011, hiện nay đang sống chung với anh C, do anh C đang chăm sóc nuôi dưỡng nên việc anh C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của cháu M muốn được sống chung với cha là anh C. Đối với cháu Nguyễn Thị Kiều O hiện nay đang sống chung với chị D, anh C đồng ý giao cháu O cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Cần chấp nhận yêu cầu của anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu M nên chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu M. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu O.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng: Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 27/9/2011 đang sống chung với anh C cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

Giao cháu Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 04/7/2014 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu O đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu O.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNST:

Anh Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh C đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016792 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được căn trừ xem như anh C đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

